| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN YÊN BÌNH**<br>TỈNH YÊN BÁI | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 65 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 11- 2022
*V/v: Không công nhận vợ chồng, con chung*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Đỗ Thị Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Hà Quốc Trung và ông Trần Thế Công

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Kim Thao - Thư ký Toà án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên toà:*** Bà Lân Thị Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 172/2022/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc "Không công nhận vợ chồng, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXX - ST ngày 31 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987, có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Lương Ngọc Tr, sinh năm 1980, có đơn xin xet xử vắng mặt;

Các đương sự đều trú tại thôn T Ch, xã CN, huyện Y B, tỉnh Yên Bái.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đến Tòa án ngày 04-10-2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Tôi và anh Lương Ngọc Tr được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 16 tháng 01 năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Lương Ngọc Tr thường xuyên cờ bạc, rược chè, chơi bời, đánh đập, chửi bới tôi, không tu chí làm ăn. Mặc dù tôi đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng

trầm trọng. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Tôi xác định tình cảm với anh Lương Ngọc Tr không còn, đề nghị Tòa án không công nhận tôi và anh Lương Ngọc Tr là vợ chồng. Tôi và anh Lương Ngọc Tr có hai con chung là Lương Ngọc H, sinh ngày 25-11-2007 và Lương Tiểu B, sinh ngày 27-10-2012; ly hôn, tôi đề nghị giao cả hai con cho anh Lương Ngọc Tr nuôi dưỡng, tôi không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu giải quyết.

** Tại Bản tự khai ngày 17 tháng 10 năm 2022 và các lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Lương Ngọc Tr trình bày*: Tôi và chị Nguyễn Thị N được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương từ năm 2006. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã. Vợ, chồng tôi đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng tôi đã ly thân từ năm 2020 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết giữa tôi và chị N không phải là vợ chồng, tôi đồng ý. Về con chung: Tôi và chị N có hai con chung là Lương Ngọc H và Lương Tiểu B. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi cả hai con, tôi không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ủy ban nhân dân xã CN, huyện Yên Bình xác nhận: Chị Nguyễn Thị N và anh Lương Ngọc Tr chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01 năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn.

Cháu Lương Ngọc H và cháu Lương Tiểu B có đơn nguyện vọng (có xác nhận của UBND xã CN, huyện Yên Bình) ở với bố.

**Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được bảo đảm đúng quy định của pháp luật, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lương Ngọc Tr; giao cả hai con cho anh Lương Ngọc Tr trực tiếp nuôi dưỡng; chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng*:* Anh Lương Ngọc Tr có hộ khẩu thường trú tại thôn Tích Chung, xã CN, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Chị N và anh Trí đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ủy ban nhân dân xã CN, huyện Yên Bình, xác nhận chị Nguyễn Thị N và anh Lương Ngọc Tr chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn, phù hợp với lời khai của chị Nguyễn Thị N và anh Lương Ngọc Tr. Như vậy có đủ cơ sở xác định, chị Nguyễn Thị N và anh Lương Ngọc Tr chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn; quá trình chung sống, giữa hai bên có nhiều mâu thuẫn; nay chị Nguyễn Thị N đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Nghĩa là có căn cứ theo khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên cần chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Căn cứ các điều 15, 81, 82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét anh Lương Ngọc Tr có nguyện vọng nuôi cả hai con, phù hợp với ý kiến của chị Nguyễn Thị N và nguyện vọng của các cháu, phù hợp với và điều kiện sống của các bên; vì vậy để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho các con, cần giao cho anh Lương Ngọc Tr trực tiếp nuôi cả hai con; về cấp dưỡng nuôi con do anh Lương Ngọc Tr không yêu cầu nên không xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế, khách quan của các đương sự, cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo*:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các

điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

1.Về quan hệ hôn nhân*:* Không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Lương Ngọc Tr là vợ chồng.

2.Về con chung: Giao cho anh Lương Ngọc Tr trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con là Lương Ngọc H, sinh ngày 25-11-2007 và Lương Tiểu B, sinh ngày 27-10-2012; Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về án phí*:* Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số AA/2021/0002886 ngày 04- 10 - 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (chị N đã nộp đủ án phí).

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Lương Ngọc Tr được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**
(đã ký)

**Đỗ Thị Thanh**

*Nơi nhận*:
- *Tòa án tỉnh*
- *Các đương sự*
- *UBND xã CN*
- *VKS huyện Yên Bình*
- *Chi cục THADS huyện Yên Bình, Lưu HS*
- *Lưu HS, TA.*

**Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thị Thanh**